TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2024/HNGĐ- ST
Ngày: 20-9-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2024/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị M, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản A, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lường Văn N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản A, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lù Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Chị Lù Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lường Văn N.

Về con chung: Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N có 01 (một) con chung là cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019. Hiện tại cháu Phong đang sống chung với anh Lường Văn N.

Chị Lù Thị M đề nghị giao cháu Lường Hoàng Phong cho anh Lường Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lù Thị M cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/8/2024, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Mấng đã giao nộp, chị Mấng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2024 tại bản Thống Nhất A, xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lù Thị M và anh Lường Văn N có hộ khẩu thường trú tại bản Thống Nhất A, xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Thôm Mòn, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ, gia đình đã hòa giải cho chị Mấng, anh Nguyên nhưng không nghe. Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N có 01 (một) con chung cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019. Hiện tại cháu Phong đang sống chung với anh Lường Văn N cùng gia đình ông Lường Văn Quân, anh Nguyên làm trồng trọt, chăn nuôi, lao động tự do, anh Nguyên có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không nắm được.

Chị Lù Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Mấng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Lường Văn N đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Lường Văn N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản

tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị M được ly hôn anh Lường Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019 cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lù Thị M, anh Lường Văn N không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lù Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lù Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lường Văn N có địa chỉ tại bản A, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lù Thị M, bị đơn anh Lường Văn N: Nguyên đơn chị Lù Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lường Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 15/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới cuộc sống của ai. Chị Lù Thị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lường Văn N.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương: Quá trình chung sống vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Mấng và anh Nguyên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lù Thị M được ly hôn anh Lường Văn N.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N có 01 (một) con chung là cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019. Hiện tại cháu Phong đang sống chung với anh Lường Văn N. Chị Lù Thị M nhất trí để anh Lường Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lường Hoàng Phong, chị Mấng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu thu thập của Toà án: Anh Nguyên, chị Mấng đều có nơi cư trú ổn định, có thu nhập. Từ năm 2021 cho đến nay anh Lường Văn N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lường Hoàng Phong.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, sự phát triển về thể chất, cần giao cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019 cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lù Thị M, anh Lường Văn N cam đoan không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lù Thị M có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lù Thị M là người dân tộc thiểu số, sống ở bản có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lù Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị M được ly hôn anh Lường Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Hoàng Phong, sinh ngày 30/01/2019 cho anh Lường Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3**.** Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lù Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lù Thị M và anh Lường Văn N cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lù Thị M. Hoàn trả lại chị Lù Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001831, ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lù Thị M, anh Lường Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Mai Xiêng